

“DERACINATE” HAY LÀ TÌNH TRẠNG “MẤT CỘI RỄ” CỦA CON NGƯỜI TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NHÓM “VIỆT”

Bùi Thanh Thảo¹, Trần Văn Thịnh¹

TÓM TẮT

Deracinate (mất gốc, mất cội rễ) là một thuật ngữ của lý thuyết hậu thuộc địa (post-colonialism), biểu hiện trạng thái, hoàn cảnh, sự tự ý thức và thái độ của người dân thuộc địa đối với “mẫu quốc” và đối với chính mình. “Mất cội rễ” là trạng thái của con người trong hoàn cảnh bị lệ thuộc, cho nên, như một lẽ tự nhiên, nó cũng hiện diện ở văn chương hình thành trong hoàn cảnh ấy. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu những biểu hiện của tình trạng “mất cội rễ” trong truyện ngắn của nhóm “Việt” - một bút nhóm trẻ, có nhiều đóng góp đáng kể cho văn học yêu nước ở đô thị miền Nam giai đoạn 1954 - 1975.

Từ khóa: *Deracinate*, hậu thuộc địa, truyện ngắn của nhóm “Việt”.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.77.06.2025.622>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học miền Nam 1954-1975 hình thành và phát triển trong hoàn cảnh khá đặc biệt, góp phần vào việc định hình văn học Việt Nam hiện đại. Trong tình hình lúc bấy giờ, nhiều sáng tác yêu nước ra đời và sống đời sống văn chương giữa lòng các đô thị lớn ở miền Nam, trong đó có sáng tác của nhóm “Việt”. Trong bài viết này, chúng tôi vận dụng lý thuyết hậu thuộc địa để giải mã một vấn đề khá phổ biến trong nhiều truyện ngắn nhóm Việt - tình trạng “mất cội rễ”. Việc vận dụng này được thực hiện trên cơ sở sự phù hợp giữa hoàn cảnh lịch sử, xã hội; biểu hiện trong tác phẩm và nội hàm khái niệm “mất cội rễ” (*deracinate*) trong lý thuyết hậu thuộc địa (không bao gồm hàm ý các cây bút nhóm Việt sáng tác dựa trên lý thuyết này).

“Deracinate” được giải thích là “uprooted from one's national or social environment” [8; tr.60] (tạm dịch: “bật rễ, bật gốc khỏi môi trường quốc gia hoặc xã hội của một người nào đó”). Các tác giả trong công trình trên giải thích thêm rằng, nạn buôn bán nô lệ ở Châu Âu và chế độ đồn điền vừa khiến người Châu Phi bật gốc khỏi môi trường sống quen thuộc ở quê hương họ, vừa khiến họ - lâu dần - xa lánh các đặc điểm chủng tộc của chính họ. Điều này có nghĩa là, sự thống trị của thực dân khiến cho người dân thuộc địa “bật gốc” khỏi quê hương và “mất cội rễ” về mặt văn hóa.

Ở đây, chúng tôi vận dụng thuyết hậu thuộc địa và thuật ngữ “deracinate” để tìm kiếm những dấu hiệu tương đồng, ở mức độ tương đối, thể hiện trong truyện ngắn của nhóm Việt - một bộ phận của văn học yêu nước ở đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975.

¹ Trường Đại học Cần Thơ; Email: btthao@ctu.edu.vn

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài viết này, chúng tôi vận dụng lý thuyết hậu thuộc địa (postcolonialism) để khám phá giá trị truyện ngắn của nhóm “Việt”. Trên cơ sở lý thuyết, nội hàm thuật ngữ của lý thuyết hậu thuộc địa, chúng tôi tiến hành đối chiếu hoàn cảnh lịch sử, chính trị, xã hội để xác định độ tương thích khi vận dụng lý thuyết vào nghiên cứu văn học ở đô thị miền Nam 1965-1975. Từ đó, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp kết hợp với vận dụng lý thuyết và hướng tiếp cận liên ngành để giải quyết vấn đề nghiên cứu. Tình trạng mất cội rễ hay vấn đề về thân phận văn hóa trong truyện ngắn nhóm “Việt” không chỉ là vấn đề văn chương nên phương pháp liên ngành là cần thiết.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Vài nét về nhóm Việt

Văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1954-1975 nói chung, truyện ngắn nói riêng, đã có đóng góp đáng kể vào cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc và vào diện mạo chung của văn học nước nhà. Công bằng mà nói, không tính đến hoàn cảnh chính trị, các cây bút yêu nước ở đô thị miền Nam trước 1975 đã có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc tạo ra những tác phẩm văn học hiện đại về cả tư tưởng lẫn nghệ thuật thể hiện. Nhất là những tác giả trưởng thành từ thập niên 60 của thế kỷ XX, họ có học thức, có điều kiện nhìn ra thế giới ở phương diện văn chương, kế thừa thành quả của người đi trước, lại có điều kiện tham gia vào thị trường xuất bản sôi động của các đô thị lớn, nhất là Sài Gòn. Tất cả những yếu tố đó cộng với một điều kiện quan trọng, tiên quyết: lòng yêu nước, tinh thần cách mạng sục sôi, đã hình thành nên một lớp người cầm bút rất đặc biệt ở miền Nam lúc bấy giờ, những người dùng ngòi bút đấu tranh cho đất nước nhưng đồng thời cũng dùng ngòi bút góp phần kiến tạo nên diện mạo hiện đại cho văn học đương thời.

Khi nói về các cây bút yêu nước hoạt động ở đô thị miền Nam trước 1975, không thể không kể đến một hiện tượng đặc biệt: nhóm “Việt”. Hình thành từ bước đi ban đầu là Hội Hồng Sơn ở Đại học Sư phạm Huế năm 1965, đến năm 1968, nhóm “Việt” chính thức ra đời và nhanh chóng trưởng thành. Theo nhà văn Trần Hữu Lục - một trong những cây bút chủ lực của nhóm “Việt”, nhóm đã đóng góp hàng trăm truyện ngắn, hàng nghìn bài thơ, chưa kể các bài phê bình, lý luận, biên khảo, các tác phẩm thuộc thể loại khác như nhạc, họa” [2]. Nhiều sáng tác của nhóm đã xuất hiện trên những tạp chí yêu nước ở đô thị miền Nam lúc bấy giờ (*Đối Diện, Ý Thức, Trình Bày*). Điểm nổi bật của nhóm “Việt” là không chỉ cất lên tiếng nói đấu tranh cho độc lập dân tộc mà còn là cất lên tiếng nói đó một cách nghệ thuật.

Riêng về mảng truyện ngắn của nhóm Việt, có thể kể đến những cây bút như Võ Trường Chinh, Trường Sơn Ca (Tiêu Dao Bảo Cự), Trần Hữu Lục, Trần Duy Phiên, Trần Hồng Quang, Huỳnh Ngọc Sơn... Văn chương nhóm Việt là tiếng nói của những trí thức yêu nước, những thanh niên tràn đầy nhiệt huyết và lý tưởng. Họ thực sự đi đúng hướng trong việc dùng văn chương làm vũ khí đấu tranh với kẻ thù, để thức tỉnh đồng bào, để bày tỏ ý thức và kêu gọi hành động của lực lượng tiên bộ ở miền Nam lúc bấy giờ. Nhóm “Việt” đóng góp khá nhiều truyện ngắn; tác phẩm của họ, ngoài việc đăng báo còn được in riêng hoặc chọn vào nhiều tuyển tập cả trước và sau 1975: *Cách một dòng sông* (tập truyện của

Trần Hữu Lục), *Trước khi mặt trời mọc* (tập truyện của Trần Duy Phiên), *Mùa xuân chim én bay về*, *Tiếng hát những người đi tới*, *Văn học yêu nước, tiến bộ, cách mạng trên văn đàn công khai Sài Gòn* (1954-1975), *Tuyển tập văn và Tuyển tập thơ* (1945-1975) (Hội Nhà Văn Thành phố Hồ Chí Minh). Tháng 9-1997, *Tuyển tập truyện ngắn Việt* của sáu tác giả Trần Hữu Lục, Trần Duy Phiên, Trần Hồng Quang, Huỳnh Ngọc Sơn, Trường Sơn Ca (Tiêu Dao Bảo Cự), Võ Trường Chinh cũng được xuất bản. Bên cạnh nội dung hiện thực, cách mạng, các cây bút nhóm Việt có lối viết khá hiện đại, ngôn từ vừa gần gũi vừa trau chuốt, thể hiện được nội dung tranh đấu phù hợp với quần chúng nhưng vẫn tạo được cho ngôn từ vẻ đẹp hiện đại, đem lại cho người đọc sự thú vị khi thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật. Mỗi cây bút có một nét riêng, nhưng đồng thời ở họ lại có một số điểm tương đồng, chứng tỏ sự trưởng thành, hiện đại trong cách viết.

3.2. Sự day dứt về nguồn cội

Trong truyện ngắn nhóm Việt, bên cạnh các nội dung khác, các tác giả chú ý khá nhiều đến tình trạng “mất cội rễ” của con người, như là một biểu hiện khá tiêu biểu của người dân thuộc địa - nhìn từ lý thuyết hậu thuộc địa. Như đã nói ở trên, *deracinate* là tình trạng “*bật rễ khỏi môi trường dân tộc hoặc xã hội của một ai đó*” [8; tr.60], đặc biệt là trong hoàn cảnh bị lệ thuộc. Khi thực dân xâm chiếm thuộc địa, sự va chạm của hai nền văn hoá trong tình thế bất bình đẳng khiến cho văn hoá thuộc địa bị “lép vế”, bị lấn át bởi văn hoá thực dân. Nền văn hoá thuộc địa, vì thế, vừa kháng cự văn hoá “mẫu quốc”, mặt khác lại luôn ý thức về tình trạng “mất cội rễ” của mình. Khá nhiều truyện ngắn ở đô thị miền Nam 1954-1975, trong đó có tác phẩm của nhóm Việt - đã thể hiện sự trăn trở, tự vấn về sự “bật gốc”, về căn cước, thân phận văn hoá của bản thân, của dân tộc trước sức mạnh quyền lực của văn hoá ngoại lai, văn hoá “mẫu quốc”.

Một trong những biểu hiện của sự ý thức về tình trạng “mất cội rễ” chính là niềm xót xa, trăn trở vì những tập quán, những hình ảnh quen thuộc dần mất đi. Quê hương, cội rễ của mỗi người, không phải chỉ là một khái niệm trừu tượng mà quê hương được kết thành bởi từng yếu tố, từng chi tiết nhỏ nhất trong đời sống. Mỗi điều nhỏ nhất, thân thương kết thành từng sợi dây gắn kết con người với cội rễ quê hương, góp phần giúp người ta nhận ra căn cước của chính mình. Và cũng chính vì vậy, tình trạng “mất cội rễ” ở con người cũng xuất phát từ chính những yếu tố nhỏ nhất như thế.

Trong truyện ngắn nhóm “Việt”, nỗi ám ảnh “mất gốc”, “bật rễ” của con người gắn với những đổi thay của khung cảnh quê hương. Những hàng dừa nước thân quen hai bên bờ kinh rạch vốn làm nên hồn vía mảnh đất phương Nam, giờ bị lính đồn sạch (vì sợ “Việt Cộng” có chỗ ẩn nấp) làm người dân ngơ ngác, hẫng hụt (*Về miệt rừng tràm*, Võ Trường Chinh). Ông Bảy Chắt trong *Bảy Chắt* của Võ Trường Chinh bị buộc tản cư, bị lừa vào xóm tạm cư cách làng không bao xa mà ngày ngày cứ ra bờ sông ngóng trông về hướng làng cũ. Ông nhìn từng đám lục bình trôi xuôi mà thấy chúng thậm chí còn hạnh phúc hơn mình vì được về ngang chôn cũ thân thương của ông. Ông không đi lễ nhà thờ, không phải vì không còn tin Chúa, mà vì xóm tạm cư như một chốn xa lạ với ông, ông tuyên bố khi nào về lại làng cũ thì ông mới đi lễ. Sự khiếm khuyết trong tâm hồn những người dân như ông Bảy chỉ có thể được bù đắp khi họ được sống trong “chơn trời quen thuộc” của mình, đó là nguồn cội, là văn hoá dân tộc mà khi bị bứt lìa, họ cảm thấy mình không còn là mình, tồn tại không phải là sống. Anh Đất (*Xóm Hối*, Trần Phước Nguyễn) chọn trở về quê, dù đó là quyết định

có thể nguy hiểm đến tính mạng của anh, bởi *Đồng ruộng là huyết mạch mà chú, bỏ ruộng, bỏ làng để mất gốc à*” [3; tr.77]. Đối với những người nông dân bị buộc vào khu tạm cư, đó là những “trung tâm đồ hộp”, “trung tâm lưu vong”, chứ không thể là nhà, càng không phải quê hương. Có nghĩa là, bà con tự xem mình như những kẻ (buộc phải) lưu vong, dù rằng làng xóm thực sự của họ cách đó không xa. Các tác giả đã giúp người đọc phân định rất rõ ràng, không phải tại đất đai, mà chính là tại những “trung tâm lưu vong” khiến người dân thấy nơi ấy xa lạ với họ. Nếu không có chúng thì mảnh đất này, dòng sông đó vẫn là quê hương thân thương của họ. Khoảng cách giữa xóm tạm cư với làng xóm thân yêu của họ chỉ là một quãng đường (*Bảy Chát*), thậm chí chỉ là cái hàng rào kẽm gai (*Về miệt rừng tràm*, Võ Trường Chinh). Chỉ vậy thôi mà bà con thấy việc mình phải sống ở xóm tạm cư chẳng khác nào sống nơi đất khách, ngày ngày họ vẫn ngóng qua bên kia sông, bên kia hàng rào kẽm gai,... như thể kẻ tha hương đang ngóng về cố quốc. Và cũng ở các “trung tâm lưu vong” đó, họ thấy mình như kẻ bật gốc khỏi quê hương.

Nhân vật trong truyện ngắn nhóm “Việt” thấy mình rơi vào tình trạng “mất cội rễ” không chỉ vì khung cảnh quê hương thay đổi mà còn vì đời sống kinh tế, cái ăn cái mặc của họ (người dân miền Nam) cũng dần phụ thuộc vào Mỹ, vào văn minh cơ giới. Trần Phước Nguyễn (một bút danh khác của Trần Hữu Lục) đã tổng kết một cách xót xa tình trạng ấy trong *Xóm Hói*: “Muốn có nước vào ruộng phải mua máy chạy bằng xăng nhớt Mỹ (...). Đất đai lần hồi quen hơi hám của Mỹ.(...) Lúa ngô, vườn tược, ruộng nương, tinh thần, nề nếp đang bị nền văn minh cơ khí của Mỹ vây hãm” [3; tr.78]. Vòng vây ấy thít chặt đến đâu thì có nghĩa là những sợi dây gắn kết con người với gốc rễ, với quê hương đứt đoạn đến đó. Điều này làm cho những ai nặng lòng với quê hương phải trăn trở không ít.

Như vậy, các cây bút nhóm “Việt” đã bày tỏ niềm ưu tư, sự day dứt về nguồn cội, về sự “bật gốc” của mình, về thân phận văn hoá của mình, của dân tộc mình - dân tộc thuộc địa trong mối quan hệ với thực dân.

3.3. Sự kháng cự trước “cái khác”

Gắn liền với sự day dứt về nguồn cội, con người trong hoàn cảnh bị lệ thuộc thường nhận thức được sự thay đổi của xã hội, và của chính mình, như là một “cái khác” (“otherness”, một thuật ngữ của lý thuyết hậu thuộc địa), từ đó họ có khuynh hướng kháng cự (resistance) với văn hóa ngoại lai (trong hoàn cảnh đó là văn hóa thực dân). Tâm lý này suy cho cùng là do người dân thuộc địa cảm thấy “cái khác” đe dọa bản sắc của mình, và do thấy chính mình, xung quanh mình cũng đang dần trở thành “cái khác”. Đó là sự kháng cự âm thầm nhưng cũng không kém phần quyết liệt, phần nào đó là để chống lại tình trạng “mất cội rễ”, chống lại sự phai nhạt bản sắc văn hoá dân tộc.

Một trong những biểu hiện kháng cự đó được thể hiện trong truyện ngắn nhóm “Việt” là thái độ đối với “tiếng Mỹ”. Sự hiện diện của người Mỹ (và đồng minh) ở miền Nam lúc bấy giờ tất yếu khiến cho “tiếng Mỹ” trở nên phổ biến. Ở đó, nó vừa là ngôn ngữ quyền lực (vì thuộc về “mẫu quốc”), là mục đích của nhiều người (học tiếng Mỹ để phục vụ người Mỹ - như một cơ hội đổi đời); nhưng đồng thời nó cũng là ngôn ngữ bị kháng cự - vì nó hiện diện như một sự đe dọa đối với văn hoá bản địa - trong hoàn cảnh bị lệ thuộc về mặt chính trị. Ngày nay nhìn nhận vấn đề này, chúng ta không phủ nhận lợi ích của ngoại ngữ đối với sự phát triển của từng cá nhân cũng như của cộng đồng. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt như miền Nam 1954-1975, sự kháng cự đối với “tiếng Mỹ” - ở góc độ này - cũng là điều tất yếu.

Trong *Di vật*, Trần Hữu Lục dùng hai hình ảnh vừa thực tế vừa có tính biểu tượng: cây đòn độc huyền và “tiếng Mỹ”. Lão Đá muốn cô con gái duy nhất học đòn, cây đòn độc huyền mà lão hết sức yêu quý, và làm cô giáo trường làng, nhưng Nhị lại lén đi học “tiếng Mỹ”. Và đây là phản ứng của lão khi hay tin đó: *“Tiếng Mỹ! Lão la hét hoảng như người bị phỏng lửa. Con mà học tiếng Mỹ!(...) Có đẹp quách đi không? Học tiếng Tây rồi làm bồi Tây, chứ học tiếng Mỹ (...) con gái học tiếng Mỹ mà làm đi à?”* [6; tr.585]. Và trong khi lão Đá thẳng thốt, bàng hoàng, cô con gái vẫn không thôi mơ tưởng, so sánh chỗ ngồi đẹp đẽ ở sở Mỹ (trong tưởng tượng) với trường học ngập nước giữa đồng và mái nhà cũ rách. Kết quả cũng không khó đoán: *“Nhị nói tiếng Mỹ mỗi ngày mỗi vững vàng trôi chảy, nhưng đồng thời Nhị cũng nhận ra tiếng đòn của người cha mỗi ngày mỗi âm u và có hồn hơn”* [6; tr.587]. Tiếng Mỹ và tiếng đòn độc huyền trong hoàn cảnh này đối lập với nhau, tượng trưng cho giá trị “ngoại lai” bị nhiều người “tẩy chay” và giá trị truyền thống được bảo vệ, lưu giữ. Về vấn đề này, một số cây bút không thuộc nhóm Việt cũng có cùng mối quan tâm. Thái độ “dị ứng” với “tiếng Mỹ” không phải chỉ xuất hiện ở những người già mà còn hiện diện ở những người trẻ tuổi, thậm chí rất gần gũi hoặc đang phục vụ cho chính quyền Sài Gòn. Trong *Nỗi thèm nghe nói* (Trần Huyền Ân), người lính tên Hoàng trong một chuyến bay từ cao nguyên về Nha Trang đã cảm thấy vô cùng cô đơn, lạc lõng, bởi vì *“Sao chẳng ai nói một câu tiếng Việt, một câu tiếng Việt bằng quơ cho Hoàng nghe (...). Người con gái thì giòn tan tiếng Mỹ. Sao Hoàng thấy xa lạ ngay trên mảnh đất quê hương? Chưa ra khỏi vùng trú quân mười cây số Hoàng đã tưởng mình ngồi ở một tiểu bang nào”* [1; tr.60]. Thậm chí khi về đến thành phố, anh cũng không nghe câu tiếng Việt nào, đứa bé lau xe kiếm tiền ở cửa hiệu không nói gì, người đàn bà ăn xin cũng chỉ hát chứ không nói. Tình cảnh kỳ lạ (nhưng không phải cá biệt ở đô thị lúc ấy) khiến anh nhớ da diết người con gái tên Lan với sự rụt rè e thẹn và *“giọng nói miền Bắc ngọt ngào mát dịu vì có âm thanh sáo diều và bụi mưa phùn lất phất”* [1; tr.63]. Tác giả đã xây dựng một tình huống truyện độc đáo, tưởng chừng phi lý nhưng lại rất thực, và giàu ý nghĩa. Nỗi thèm nghe nói của Hoàng là thèm được nghe tiếng Việt, được sống trong bối cảnh thuần Việt, chứ không phải là chứng kiến người Việt làm mọi cách để kiếm tiền mà không cần dùng đến tiếng Việt. Tình trạng “mất cội rễ” diễn ra ở môi trường xung quanh khiến anh càng khao khát được giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ, đó cũng là khao khát được khẳng định (và được công nhận) căn cước của chính mình. Nỗi niềm khắc khoải ấy cũng là của Hiệu (*Tiếng nói thầm*, Doãn Dân), nhân vật xưng “anh” (văn sĩ) trong *Buổi chiều của người* (Lê Tất Điều), người cha trong *Tình nghĩa sục giá* (Phong Sơn),...

Như vậy, với những nhân vật trên, sự từ chối tiếng Mỹ như là một cách để họ níu giữ linh hồn dân tộc, bám lấy cội rễ thân thương - những điều mà có khi phải đặt trong thế đối diện với người Mỹ, tiếng Mỹ họ mới nhận ra. Trong hoàn cảnh bình thường, thái độ này là cực đoan. Bởi công bằng mà nói, ngoại ngữ luôn là cánh cửa cho con người bước sang những thế giới tri thức mới mẻ. Nhưng ở đây, bối cảnh cho việc tiếp nhận ngoại ngữ không phải là bối cảnh bình thường. Sự hiện diện của người Mỹ và văn hóa Mỹ khiến cho tiếng Mỹ cũng trở thành đại diện cho văn hoá quyền lực, xâm nhập vào nền văn hoá đang ở thế yếu, văn hoá thuộc địa. Vấn đề ở đây không còn đơn thuần là chuyện ngôn ngữ, mà đó là sự kháng cự tất yếu của không ít người dân thuộc địa đối với bất cứ cái gì do thực dân đem đến. Thái độ này có thể hơi cực đoan, nhưng không thể nói là không cần thiết trong hoàn cảnh lúc bấy giờ.

3.4. Trạng thái bơ vơ, khắc khoải trước thực tại và niềm hy vọng ở tương lai

Trong truyện ngắn nhóm *Việt*, tình trạng “mất cội rễ”, “bật gốc” của con người còn được các cây bút thể hiện qua niềm trăn trở về trạng thái rã rời, khắc khoải nhưng vẫn hướng về tương lai của tuổi trẻ. Có thể hình dung trạng thái này cũng gắn liền với sự day dứt về thân phận văn hóa đã phân tích ở trên, khi con người cảm thấy chênh vênh vì sự gắn kết với gốc rễ dần lơ lửng, thấy căn cước của mình dường như lạc mất. Trạng thái này được thể hiện đặc biệt rõ ở nhân vật thanh niên - phần lớn là trí thức.

Trong mối quan hệ với đất nước, người dân thuộc địa không được sống như một chủ thể trên quê hương mình, không được phép kiến tạo cuộc đời theo cách mà họ muốn. Trong truyện ngắn nhóm *Việt*, người nông dân mong được thấy lại góc vườn sau nhà, khúc sông trước ngõ bao nhiêu thì người trí thức mong tìm được con đường gắn kết với dân tộc và sống có ý nghĩa bấy nhiêu. Nhưng trong hoàn cảnh bấy giờ, không phải ai cũng nhanh chóng nhận thức được con đường đến với cách mạng. Bởi thế, đối với nhiều người, cuộc sống đôi khi chẳng khác nào một cuộc lưu đày, ngày tháng nối tiếp trong trạng thái ngột ngạt, khủng hoảng. Các nhân vật trong *Còn quê hương để trở về*, *Đất trịch* (Trần Hữu Lục), *Trốn* (Trần Duy Phiên) là những thanh niên tuổi đôi mươi, có học thức, tràn đầy nhiệt tình và mơ ước làm chủ cuộc đời, được tạo dựng và phấn đấu cho đời. Nhưng khát khao của họ bị gạt bỏ phũ phàng. Không những không được là chủ thể mà họ còn bị săn đuổi ngay trên quê hương, *sống giữa quê nhà mà gần như sống nơi đất trịch* (*Đất trịch*). Vì không muốn cảm sủng cho ngoại nhân để bản lại đồng bào nên họ phải trốn chui trốn nhủi bằng mọi cách: ở nhà người quen, trong xóm lao động, nơi vùng núi heo hút, thậm chí nơi cửa Phật... Giữa những lúc trốn chạy gian nan, họ luôn thêm sống lại cảnh êm đềm bình dị với người thân, với khung cảnh quen thuộc nơi quê nhà, nhưng mọi liên hệ gần như bị cắt đứt. Họ thậm chí không còn được là mình: tên khác, tuổi khác, diện mạo khác, ở nhờ nhà người khác, trốn chạy nơi xứ khác... Tất cả dồn nén thành tâm trạng u uất, rã rời triền miên trong họ. Câu hỏi lớn nhất đối với họ chính là đi về đâu cho đúng. Nói như Tàn Hoài Dạ Vũ và Nguyễn Đông Nhật, những người trong cuộc thì: “*Nỗi buồn, hay nói đúng hơn là nỗi thất vọng ê chề đã nhanh chóng xâm chiếm tâm hồn những người trẻ tuổi trong sáng. Sự đổi thay được chờ đợi lâu dài nhất cuối cùng chỉ là một con số không to tướng, trống rỗng (...). Đi về đâu? Câu hỏi ấy chưa bao giờ ngừng quấy đảo cuộc sống của những người trí thức trẻ. Vì đây là câu hỏi của cả đời người*” [7; tr.77].

Gắn chặt với tâm trạng rã rời, u uất đó là sự ám ảnh ngục tù. Chàng thanh niên tên Tâm trong *Trận tuyến âm thầm* (Trần Hồng Quang) bị ám ảnh bởi cảnh ngục tù - địa ngục trần gian: “*Tâm sẽ như miếng giẻ rách, như chiếc bao tải sũng nước, như con chó nhai những vụn cơm lợn cợn cát sỏi và đái ỉa ngủ ngáy một nơi, còn thua chó. Phục binh trùng trùng điệp điệp những nanh vuốt cực kỳ bá đạo*”. Những hình ảnh so sánh đầy tăm tối, như trạng thái hoang mang của không ít người trẻ như Tâm, luôn mang cảm giác bị lưu đày trên chính quê hương mình: “*Đó là chiều sâu hay bề nổi của đời sống? Chúng là mặt phải hay mặt trái của năm tháng sống nơi này? Chúng không chỉ hiện diện nơi này. Chúng phục ngăm ngoài đường, trong quán, nơi miếng ăn, ở lời nói. Làm sao tránh thoát được chúng? Chúng nằm ngهنh ngang trong mắt nhìn, chúng thênh thang nhảy múa trong lao tù, chúng*

sải những cánh lớn che kín mặt trời. Chúng là thiên tai của thời đại. Và Tâm sẽ co rúm hồn hén dưới những nanh vuốt đó? Và cuộc nhân sinh phiến toái vẫn lóc cóc lê những lăm than trước mắt?” (Trận tuyến âm thầm - Trần Hồng Quang). Những câu hỏi cứ ào ạt kéo đến trong suy nghĩ của Tâm khiến anh vừa lo lắng vừa phần uất, chúng vừa cảnh báo tương lai vô định nhưng đồng thời cũng hàm chứa sự phản kháng, không chấp nhận tình trạng lìa gốc, lưu đày mà anh bị đẩy vào. Nhân vật Năm Nghi trong *Tiếng chim bìm bịp gọi người về* (Võ Trường Chinh) bị bắt vào tù 5 lần trong 3 năm, chỉ vì bị nghi ngờ liên quan đến Việt Cộng, khi anh muốn về đất đai ruộng vườn của ba má. Sự ngột ngạt khiến anh đập tung cửa, tìm cách thoát ra và bị bắn chết ngay trên hàng rào kẽm gai của nhà giam. Những người lính như Thơ (*Nắng mới trên miền đất bồi* - Trần Hồng Quang), Bằng (*Những bước rã rời* - Huỳnh Ngọc Sơn), Thái (*Những điều chưa nói* - Huỳnh Ngọc Sơn) dần nhận ra việc đi lính khiến họ như một kẻ bật gốc trôi dạt khỏi bờ bến quê nhà, vì vậy họ lần lượt tìm cách bỏ lính về quê. Liên quan đến điều này, không chỉ nhóm “Việt” mà một số cây bút khác cũng đề cập trạng thái tương tự của người lính quân đội Sài Gòn, trong nhiều truyện ngắn của họ: *Nỗi hoài nghi mới*, *Biên khu*, *Ngoài sân bay*, *Những vòng hoa nguy tín...* (Thế Vũ), *Con thú tật nguyền*, *Người nằm mê sáng...* (Nguy Ngữ). Họ cảm nhận sâu sắc sự rã rời, niềm khắc khoải trước thực tại và khao khát tìm lại quê hương, tìm lại căn cước của chính mình.

Trên trang văn của các cây bút nhóm “Việt”, nhân vật có thể bị tình trạng mất cội rễ đẩy vào trạng thái hoang mang, rã rời, đôi lúc bế tắc, nhưng phần lớn họ không tuyệt vọng mà tự tìm lối ra cho mình. Một số trường hợp phải trả giá cho sự vùng dậy bằng chính mạng sống như Năm Nghi trong *Tiếng chim bìm bịp gọi người về* (Võ Trường Chinh), nhưng số còn lại vẫn quyết tâm tìm con đường giải thoát. Cô giáo Thành và học trò trong *Một giờ xót thương* (Trần Duy Phiên) nhận ra việc “để cho một dân tộc oai hùng trong cơn nguy khốn phải bị ức hiếp, bị nhục nhã” “chỉ có bọn vô liêm sỉ mới làm nổi” [5; tr.63], còn họ thì phải vùng lên. Cậu thanh niên tên Sa trong *Những người không sống* (Trần Hồng Quang) chọn tiếp tục xuống đường đấu tranh. Niềm hy vọng vào lựa chọn của họ cũng chính là ánh sáng mà các cây bút trẻ muốn mang đến cho độc giả trong hoàn cảnh bấy giờ.

4. KẾT LUẬN

Trong dòng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam, nhóm Việt đã có đóng góp đáng kể không chỉ về số lượng tác phẩm mà còn ở những vấn đề mà họ đặt ra trong hoàn cảnh đặc biệt lúc bấy giờ. “Deracinate” (tình trạng bật gốc, mất cội rễ) cũng là một trong những vấn đề có ý nghĩa như vậy. Cho dù có thể các cây bút nhóm Việt không hoàn toàn sáng tác trên cơ sở của lý thuyết hậu thuộc địa, nhưng những vấn đề mà họ đặt ra lại tương thích với nhiều vấn đề mà lý thuyết này đặt ra. Đọc truyện ngắn của nhóm “Việt”, chúng ta cảm nhận được niềm cảm thông, xót xa trước sự tách lìa nguồn cội, sự kháng cự trước “cái khác” về mặt văn hóa để giữ gìn căn cước của mình, sự trăn trở trước trạng thái rã rời, khắc khoải của con người, và niềm hy vọng vào tương lai, vào sự lựa chọn con đường - nhất là của thanh niên. Đó là những điều bật lên một cách tự nhiên từ trong tâm thức và ý thức của người cầm bút có trách nhiệm trong hoàn cảnh ấy. Tiếng nói của họ, vì thế, trở nên gần gũi và có ý nghĩa thiết thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Hiền Ân (1967), “Nỗi thèm nghe nói”, Tạp chí Bách Khoa (254), tr.59-63.
- [2] Trần Hữu Lục (2010), *Văn chương nhóm Việt*, (<http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c216/n6057/Van-chuong-nhom-Viet.html>, truy cập ngày 10/9/2024)
- [3] Nhiều tác giả (1986), *Mùa xuân chim én bay về* (tuyển tập), Nxb. Cửu Long, Cửu Long.
- [4] Nhiều tác giả (1997), *Tuyển tập truyện ngắn Việt*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Trần Duy Phiên (1970), Một giờ xót thương, Tạp chí Đối diện, số 13, tr.61-66.
- [6] Trần Hữu Tá (2000), *Nhìn lại một chặng đường văn học*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Tần Hoài Dạ Vũ, Nguyễn Đông Nhật (2013), *Phác họa chân dung một thế hệ*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8] Bill Ashcroft, Gareth Griffiths and Helen Tiffin (1999), *Key concepts in post-colonial studies*, Routledge, London.

DERACINATE IN THE VIỆT’S SHORT STORIES

Bui Thanh Thao, Tran Van Thinh

ABSTRACT

Deracination is a term of post-colonialism theory, expressing the status, situation, self-consciousness and attitude of the colonized people towards “motherland” and themselves. Deracination is the state of man in the situation of dependence, so, naturally, it is also present in literature works formed in that situation. In this article, we study the manifestations of the state of deracination in the Việt’s short stories - a group of young writers who made significant contributions to patriotic literature in southern urban areas during the period 1954-1975.

Keywords: Deracinate, post-colonialism, the Việt’s short stories

* Ngày nộp bài: 06/01/2025; Ngày gửi phản biện: 11/01/2025; Ngày duyệt đăng: 15/06/2025